TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-PT
Ngày: 25-02-2022
V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLPT-DS ngày 14/01/2021 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1813/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:*

1/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945. (vắng mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, Tổ 12, Khu phố 1, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1956. (vắng mặt)

4/. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Th, bà L, ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Quang Trọng L, sinh năm 1955. (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/7/2013)

Địa chỉ: đường số 1A, khu G, phường L, Quận 9 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1/. Ông Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu phố 1, đường T, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/. Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1953 (chết 2018).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Th1 là:

2.1/. Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1983.

2.2/. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985.

2.3/. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986.

2.4/. Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1981.

2.5/. Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: đường T, Tổ 12, Khu phố 1, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H1, bà D, ông H1, ông L, ông Nh có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch1: Ông Trần Văn Ch2, sinh năm 1976 (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/2/2021). (có mặt)

Địa chỉ: đường Ph, phường L, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: R A H 57300, FRANCE.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường số 13, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1983.

3/. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985.

4/. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986.

5/. Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1981.

6/. Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: T, Tổ 12, Khu phố 1, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

7/. Bà Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1989.

8/. Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1991.

9/. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991.

10/. Bà Nguyễn Thị Kiều Tr1, sinh năm 1989.

11/. Ông Lê Văn M, sinh năm 1971.

12/. Ông Đặng Trường G, sinh năm 1990.

13/. Bà Huỳnh Thị Thanh Nh, sinh năm 1993.

14/. Ông Võ Trúc Nh1, sinh năm 1985.

15/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993.

16/. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960.

17/. Ông Đào Thế S, sinh năm 1991.

18/. Ông Trần Đình H3, sinh năm 1990.

19/. Bà Trần Thị Lệ D, sinh năm 1972.

20/. Ông Đào Sơn H4, sinh năm 1972.

21/. Bà Võ Thị Ngọc H5, sinh năm 1991.

22/. Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh2, sinh năm 1991.

23/. Bà D Thị Huyền D1, sinh năm 1991.

24/. Bà Mai Thị Thanh T2, sinh năm 1991.

25/. Bà Nguyễn Thị Thanh H6, sinh năm 1989.

26/. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

27/. Ủy Ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường Ng, phường B, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Nguyễn Trọng Q - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Th. (xin xét xử vắng mặt)

-*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn (có ông Đinh Quang Trọng L đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ông A và bà X có 06 người con, gồm:

1/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945.

2/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949.

3/. Ông Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1951.

4/. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1956.

5/. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1958.

6/. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.

Căn nhà số 114 đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 139m^2 và phần đất khuôn viên có diện tích 828m^2 có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn A (chết 1998) và bà Nguyễn Thị X (chết năm 2005), tạo lập từ năm 1958. Nguồn gốc đất do ông A và bà X đăng ký, từ thời điểm trước năm 1975. Đến khi ông A chết, bà X sử dụng và kê khai đăng ký với nhà nước. Nhà, đất này ông Ch1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng vì đứng tên bà X. Nhà ông A và bà X tạo dựng và xây năm 1998.

Trong thời gian cha mẹ còn sống anh chị em các ông bà đã đóng góp nhiều công sức và tiền để lo cho cha mẹ, ông Ch1 là con trai trưởng nên được ở với cha mẹ. Sau khi cha mẹ các ông bà qua đời, toàn bộ tài sản này đã bị ông Ch1 cùng vợ chiếm giữ toàn bộ nhà và đất di sản thừa kế do cha mẹ để lại, cố ý khai man về nguồn gốc nhà đất để chiếm hữu làm tài sản riêng.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế cha mẹ các ông bà để lại là phần đất tọa lạc tại số 114 đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh; chia đều cho 06 người con theo pháp luật, mỗi người một phần bằng nhau 1/6, tạm tính 1.976.666.666 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế nhà, đất tại số 112 và 112 A đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn gốc đất do ông A và bà X đăng ký, từ thời điểm trước năm 1975. Đến khi ông A chết, bà X sử dụng và kê khai đăng ký với nhà nước. Nhà, đất này ông Hưởng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng vì đứng tên bà X. Nhà ông A và bà X tạo dựng và xây năm 1998, đã đóng thuế liên tục cho đến sau giải phóng, ngày 08/8/1995 ông Nguyễn Văn A được Tổng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ thuế nhà đất gia đình số 1724-TH và kể từ đó đến năm 2009 ông A đóng thuế nhà đất và lệ phí, ông A chỉ ngưng đóng thuế nhà đất và lệ phí cho đến khi UBND quận Th cấp Giấy chứng nhận nhà đất cho ông Hưởng.

Nguyên đơn không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia di sản thừa kế nhà đất số 112 và 112 A T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh vì đây là tài sản riêng của ông Hưởng, không phải là di sản thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1, bà Phạm Thị Th1 trình bày:

Ông Ch1 thừa nhận quan hệ gia đình của nguyên đơn, bị đơn như lời trình bày của ông L là đúng.

1/. Đối với nhà đất tại số 114 T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh:

Nguồn gốc đất: Phần đất thuộc căn nhà 114 T, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước giải phóng do ông Ch1, bà Th1 tạo dựng đóng thuế liên tục cho đến ngày 07/8/1995 được Tổng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp số thuế nhà đất gia đình số 1819-TH do bà Phạm Thị Th1 đứng chủ hộ, hàng năm bà Th1 liên tục đóng thuế nhà đất cho đến bây giờ. Năm 2003 bà X có giấy tái xác nhận tặng cho tại Ủy ban nhân dân phường T1. Bà Th1 là người kê khai đăng kí theo quyết định 299/TTg, 02/CT-UB và đóng thuế.

Căn nhà 114 T T, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước giải phóng do ông Ch1, bà Th1 xây dựng và xây dựng lại vào năm 2003, đã bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính.

Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế giá trị sử dụng đất căn nhà số 114 T, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Đối với yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế nhà, đất tại số 112 và 112A đường T, Khu phố 1, phường T1, Quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh:

Nguồn gốc đất do ông A và bà X đăng ký, từ thời điểm trước năm 1975. Đến khi ông A chết, bà X sử dụng và kê khai đăng ký với nhà nước. ngày 08/8/1995 ông Nguyễn Văn A được Tổng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ thuế nhà đất gia đình số 1724-TH và kể từ đó đến năm 2009 ông A đóng thuế nhà đất và lệ phí, ông A chỉ ngưng đóng thuế nhà đất và lệ phí cho đến khi UBND quận Th cấp Giấy chứng nhận nhà đất cho ông Hưởng. Nhà, đất này ông A và bà X tạo dựng và xây năm 1998.

Nay phía bị đơn phản tố yêu cầu chia 1/6 gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng với nhà số 112 còn nhà số 112A T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất là 1/6.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tr là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông Tr là 01 trong 06 người con của ông A và bà X, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thừa nhận ông Tr chưa được cha mẹ chia đất. Ông Tr yêu cầu được hưởng 1/6 kỷ phần đối với khối tài sản do ông A, bà X để lại và yêu cầu nhận bằng giá trị tại thời điểm thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1813/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 459, 611, 623, 649,651 Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1]. Xác dịnh di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị X là toàn bộ diện tích đất Căn nhà số 114 đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh phần đất khuôn viên có diện tích 786.60m^2 thuộc tờ bản đồ số 80, Bộ địa chính phường T1, quận Th (theo tài liệu đo năm 2004).

Các đồng thừa kế di sản của ông A bà X gồm: Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Tr.

Bà Nguyễn Thị Th 1/6, bà Nguyễn Thị L 1/6, ông Nguyễn Văn Ch 1/6, ông Nguyễn Văn H 1/6, ông Nguyễn Văn Ch1 1/6, ông Nguyễn Văn Tr 1/6. Giá trị diện tích đất. Căn nhà số 114 T, Khu phố 1, phường T1, quận Th,TPHCM.

Ông Nguyễn Văn Ch1 có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.976.666.666 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn Ch1 có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị L số tiền 1.976.666.666 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn Ch1 có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Ch số tiền 1.976.666.666 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn Ch1 có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn H số tiền 1.976.666.666 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Sau khi thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Tr, Ông Nguyễn Văn Ch1 được toàn quyền liên hệ các cơ quan chức năng có liên quan để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số 114 đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu của phản tố của bị đơn.

[2] Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị X là toàn bộ diện tích đất; căn nhà số 112 T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận diện tích đất 223,6m^2 (trong đó đất ở 193,6m^2, đất trồng cây hàng năm khác 30m^2, diện tích xây dựng là 146m^2, diện tích sàn 177,7m^2 thuộc thửa đất số 515, tờ bản đồ số 80, phường T1, quận Th (Theo bản đồ hiện trạng vị

trí HĐ 12068/DĐBĐ do trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài Nguyên và môi trường đo đạc lập ngày 14/11/2015).

Các đồng thừa kế di sản của ông A bà X gồm: Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Chuân, ông Nguyễn Văn Tr.

Bà Nguyễn Thị Th 1/6, bà Nguyễn Thị L 1/6, ông Nguyễn Văn Ch 1/6, ông Nguyễn Văn H1/6, ông Nguyễn Văn Ch1 1/6, ông Nguyễn Văn Tr 1/6. Diện tích đất. Căn nhà số 112 T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị Th số tiền 484.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị L số tiền 484.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Ch số tiền 484.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Văn Ch1 số tiền 484.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

[3]. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị X là toàn bộ diện tích đất; căn nhà số 112 A T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận diện tích đất ở 135,1m^2, diện tích xây dựng là 119,9m^2, diện tích sàn 152,6m^2. (Theo bản đồ hiện trạng vị trí HĐ 12068/DĐBĐ do trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài Nguyên môi trường đo đạt lập ngày 14/11/2015).

Các đồng thừa kế di sản của ông A bà X gồm: Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Chuân, ông Nguyễn Văn Tr.

Bà Nguyễn Thị Th 1/6, bà Nguyễn Thị L 1/6, ông Nguyễn Văn Ch 1/6, ông Nguyễn Văn H1/6, ông Nguyễn Văn Ch1 1/6, ông Nguyễn Văn Tr 1/6. Giá trị diện tích đất. Căn nhà số 112 A T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị Th số tiền 337.750.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Thị L số tiền 337.750.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Ch số tiền 337.750.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế bà Nguyễn Văn Ch1 số tiền 337.750.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Sau khi thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Tr, Ông Nguyễn Văn H được toàn quyền liên hệ các cơ quan chức năng có liên quan để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số 112 và 112 A đường T, Khu phố 1, phường T1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Tr về việc nhận 1/6 kỷ phần giá trị tài sản thừa kế do ông A và bà X để lại.

Ông Nguyễn Văn Ch1 có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Tr số tiền 1.976.666.666 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Tr số tiền 484.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho thừa kế ông Nguyễn Văn Tr số tiền 337.750.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo. Ngày 11/12/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1 có đơn kháng cáo với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm buộc ông phải chia thừa kế diện tích đất 828m^2 tại số 114 đường T, phường T1, quận Th là không đúng vì diện tích đất này ông đã được cha mẹ cho bằng miệng từ trước năm 1975, ông đã sử dụng ổn định, kê khai nộp thuế năm 1995 và đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 450m^2 tại số 112 đường T, phường T1, quận Th. Năm 2003 mẹ của ông là cụ X đã viết giấy tái xác nhận là cho ông đất. Căn nhà số 114 là do ông xây dựng và bị xử phạt năm 2003 do xây không phép. Đồng thời Toà án cấp sơ thẩm không chia di sản thừa kế căn nhà 112A đường T, phường T1, quận Th là không thỏa đáng vì đây nhà của cha mẹ ông xây dựng trước năm 1997. Vì vậy ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, còn các đồng nguyên đơn bà Th, bà L và ông Ch có đơn có xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và không cung cấp chứng cứ gì mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế là không đúng vì tài sản này đã được cụ A, cụ X ntặng cho ông Ch1 từ năm 1974 và năm 2003 lập giấy tái xác nhận cho ông Ch1. Sau khi được cho đất thì ông Ch1 có khai hoang thêm. Ngoài ra, khi các con lập gia đình thì cụ Ân, cụ X đã chia đất cho những người con khác. Quá trình sinh sống vợ chồng ông Ch1 đã đóng thuế đầy đủ và kê khai đăng ký, được cấp số nhà riêng. Do đó, đủ căn cứ xác định đây là tài sản của ông Ch1 không còn là di sản thừa kế của cụ A, cụ X. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên toà thì có đủ cơ sở kết luận nhà đất là di sản của cụ A, cụ X, do đó Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế là đúng. Đề nghị Hồi đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1 đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của ông Ch1 được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Toà án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 2 cho đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà, không có lý do. Các đồng nguyên đơn Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ Nguyễn Văn A chết ngày 08/3/1999, cụ Nguyễn Thị X chết ngày năm 2005, do đó ngày 19/9/2013 các ông bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, do đó Tòa án nhân dân Thanh phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách các đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1:

[5.1] Về những người thừa kế: Cụ Nguyễn Văn A kết hôn với cụ Nguyễn Thị X (được công nhận theo Bộ hôn thú số hiệu 401 năm 1970 của tỉnh Gia Định cũ) và có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; Ông Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1951; Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1956; Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1958; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. Cụ A chết năm 1999, cụ X chết năm 2005 không để lại di chúc, các đương sự trong vụ án công nhận về những người thừa kế nêu trên. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ A, cụ X gồm 06 ông, bà nêu trên là đúng theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.2] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào giấy nhường đất (Đoạn mại) ngày 08 tháng giêng năm 1960, tờ tái xác nhận cho đất năm 2003, số thuế nhà đất gia đình, tờ kê khai đăng ký nhà đất cùng lời khai nhận của các đương sự thì có đủ cơ sở kết luận diện tích đất tại số 184, 185 Tam Hải, xã T1, huyện Th (nay là số 112, 112A và 114 đường T, phường T1, quận Th - nay là thành phố Th) là do cụ A và cụ X tạo lập trước năm 1975.

[5.3] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều xác định nguồn gốc diện tích đất tại số 114 đường T, phường T1, quận Th là do ông Ch1, bà Th1 cùng với cha mẹ là cụ A, cụ X khai hoang từ trước giải phóng và đến năm 1975 thì cụ A, cụ X cùng các anh em trong gia đình giao lại (tặng cho) cho vợ chồng ông Ch1 quản lý sử dụng, chính vì được tặng cho nên ông Ch1, bà Th1 xây dựng nhà và có tên trong sổ bộ thuế nhà đất và thực hiện việc đóng thuế. Năm 1980 cụ A, cụ X đã chia đất cho các con như sau: Bà Nguyễn Thị Th được chia diện tích 500m^2. Hiện nay phần đất này bà Th đã hợp thức hoá và được nhà nước cấp quyền sử dụng đất, địa chỉ 114/4 đường T, khu phố 1, phường T1, quận Th; Bà Nguyễn Thị L được chia diện tích khoảng 500m^2. Hiện nay phần đất này bà Th đã hợp thức hoá và được nhà nước cấp quyền sử dụng đất, địa chỉ 114/4 đường T, khu phố 1, phường T1, quận Th; Ông Nguyễn Văn Ch được chia diện tích khoảng 500m^2. Hiện nay phần đất này ông Ch đã bán và chuyển hộ khẩu về địa chỉ 112 đường T, khu phố 1, phường T1, quận Th. Riêng ông Nguyễn Văn H không được cho quyền sử dụng đất vì ông Hưởng còn nhỏ đang sinh sống cùng cụ A, cụ X. Ông Nguyễn Văn Tr đã vượt biên sinh sống ở nước ngoài nên không được cha mẹ chia quyền sử dụng đất. Như vậy những vấn đề nêu trên chưa được cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, đối chất làm rõ.

[5.4] Ngoài ra, căn cứ vào "Giấy tái xác nhận về việc cho đất" do cụ Nguyễn Thị X lăn tay ngày 01/9/2003 và có xác nhận của UBND phường T1 cùng ngày 01/9/2003 có nội dung năm 1975 cụ X cho con là Nguyễn Văn Ch1 và Phạm Thị Th1 là con dâu phần đất có diện tích 850m^2 toạ lạc tại thửa 889, tờ bản đồ số 3 (cả phần đất sử dụng và ao rau muống). Nội dung này cũng chưa được cấp

sơ thẩm làm rõ và phần đất 850m^2 trong giấy này có phải là phần đất tại số 114 đường T, phường T1 hay không.

[5.5] Theo sổ mục kê đăng ký quyền sử dụng đất (BL 292-293) thể hiện cụ Nguyễn Văn A, địa chỉ 184 tổ 7, Tam Hải kê khai đăng ký thửa 334 và 532 còn bà Phạm Thị Th1 cũng kê khai đăng ký thửa 532 diện tích 50m^2 và thửa 585, đồng thời theo sổ thuế nhà đất gia đình số 1724 TH ngày 08/8/1995 cụ Nguyễn Văn A địa chỉ 184 tổ 7 xã T1 đóng thuế nhà đất diện tích 300m^2, còn sổ thuế nhà đất gia đình số 1819 TH ngày 07/8/1995 chủ hộ bà Phạm Thị Th1 địa chỉ số 185 tổ 7 xã T1 thể hiện nộp thuế từ năm 1993 đến năm 2012. Như vậy, cần thu thập chứng cứ để làm rõ toàn bộ diện tích đất là của cụ A, cụ X vậy vì sao cụ A lại chỉ đứng tên địa chỉ 184 còn bà Th1 đứng tên địa chỉ 185 và kê khai đăng ký và đóng thuế, thực tế cụ A, cụ X tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Ch1, bà Th1 nên bà Th1 mới đứng tên đóng thuế và kê khai đất đai hay chỉ là cho sử dụng. Vấn đề này cũng cần được làm rõ.

[6] Với các chứng cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện đất tại số 114, 112 và 112A đường T, phường T1, quận Th là di sản thừa kế của cụ A, cụ X là chưa đủ căn cứ. Xét Toà án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên toà phúc thẩm không thể bổ sung được nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ch1 huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Ch1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của ông Ch1 và giữ nguyên án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch1.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1813/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án "Tranh chấp chia di sản thừa kế", giữa nguyên đơn: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H; bị đơn: Nguyễn Văn Ch1, Phạm Thị Th1.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch1 không phải chịu. Hoàn trả ông Ch1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0045639 ngày 13/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Xuân Minh **Nguyễn Văn Hùng** **Hoàng Minh Thịnh**